

## MỘT SỐ VẤN ĐỀ GIẢM NGHÈO Ở NGƯỜI TÀ-ÔI XÃ ĐÔNG SƠN, HUYỆN A LƯỚI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ<sup>1</sup>

**PGS.TS. Bùi Văn Đạo**  
**Viện Dân tộc học**

**Tóm tắt:** Tà-ôi là dân tộc thiểu số chiếm số đông ở xã biên giới Đông Sơn, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do khó khăn đặc thù về điều kiện tự nhiên và dân cư, nghèo đói đang là vấn đề bức xúc ở địa phương này, tỷ lệ hộ nghèo cao và mức độ thiếu hụt trầm trọng một số chỉ số tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản như diện tích và chất lượng nhà ở, nước sinh hoạt, giáo dục của người lớn, nhà vệ sinh. Kết hợp phân tích nguyên nhân và tác động của nghèo, bài viết đề xuất một số giải pháp gợi ý xây dựng chính sách giảm nghèo ở Đông Sơn nói riêng và các xã vùng biên giới khu vực miền núi tây duyên hải miền Trung nói chung.

**Từ khóa:** Dân tộc thiểu số tại chỗ, Tà-ôi, Pa-cô, biên giới, nghèo, nghèo thu nhập, nghèo đa chiều, giảm nghèo, xã Đông Sơn.

Ngày nhận bài: 15/10/2019; ngày gửi phản biện: 2/1/2020; ngày duyệt đăng: 9/2/2020

### Đặt vấn đề

Xã Đông Sơn, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế là xã vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, nơi cư trú chủ yếu của tộc người Tà-ôi. Dưới tác động của Đổi mới và thực hiện chính sách dân tộc, kinh tế, xã hội ở đây từng bước phát triển, cơ sở vật chất hạ tầng dần được xây dựng, đời sống người dân trong xã từng bước được cải thiện. Những thành tựu đã có là rất lớn và đáng kể, so với trước Đổi mới (1986) là bước phát triển vượt bậc, lớn hơn tất cả những thời kỳ trước cộng lại. Tuy nhiên, những kết quả đạt được mới chỉ là bước đầu. Do những đặc thù về điều kiện tự nhiên và trình độ phát triển tự thân, đến nay, so với người Kinh và so với cả nước, người Tà ôi xã Đông Sơn vẫn trong tình trạng chậm phát triển, đời sống khó khăn. Để phát triển bền vững, bên cạnh những thuận lợi, người Tà-ôi đang phải đối mặt với một số thách thức nổi cộm và bức xúc, trong đó có vấn đề nghèo và giảm nghèo.

Dưới góc độ dân tộc học, bài viết trình bày, phân tích thực trạng nghèo và một số vấn đề giảm nghèo ở người Tà-ôi xã Đông Sơn, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ngoài tài liệu thành văn, bài viết hoàn thành trên cơ sở nguồn tài liệu thống kê các cấp và nguồn tư liệu thực địa do tác giả thu thập bằng các hình thức quan sát, phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm tại xã Đông Sơn, nhất là ở làng Cà Vá thuộc xã này trong tháng 1/2019.

<sup>1</sup> Bài viết là kết quả đề tài khoa học Công nghệ cấp quốc gia “Một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong cộng đồng các dân tộc thiểu số tại chỗ khu vực tây duyên hải miền Trung”, mã số CTDT 18.36/16 - 20 do Viện Dân tộc học thực hiện, PGS.TS. Bùi Văn Đạo làm Chủ nhiệm, thuộc Chương trình Khoa học Công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 “Những vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc thiểu số và chính sách dân tộc ở Việt Nam đến năm 2030”, mã số CTDT/16-20 do Ủy ban Dân tộc chủ trì.

Đến nay, đã có một số công trình viết về dân tộc Tà ôi ở Việt Nam nói chung và ở Thừa Thiên Huế nói riêng, như: *Vài nét về quan hệ hôn nhân gia đình của người Pa cô, Pa hi, Ka tu* (Nguyễn Hữu Thấu, 1976); *Dân tộc Tà ôi*, trong sách: *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Nam)* (Viện Dân tộc học, 1984); *Hôn nhân, gia đình, ma chay của người Tà-ôi, Co-tu, Bru-Vân Kiều ở Quảng Trị - Thừa Thiên Huế* (Nguyễn Xuân Hồng, 1998); *Người Tà ôi ở Thừa Thiên Huế* (Hoàng Sơn chủ biên, 2007); *Giữ cũ, thêm mới, làm tài sản cho con cháu* (Nguyễn Trường Giang, 2016); *Dân tộc Tà ôi* của Vũ Đình Mười trong sách *Các dân tộc ở Việt Nam, tập 3, nhóm ngôn ngữ Môn-Khơ me* (Vương Xuân Tình chủ biên, 2017); *Biến đổi hôn nhân của người Pa cô ở huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế và một số vấn đề đặt ra* (Lê Thị Hương, 2019);... Các công trình trên chủ yếu khảo cứu về những khía cạnh kinh tế, xã hội, văn hóa truyền thống và biến đổi mà chưa quan tâm đến thực trạng nghèo và giảm nghèo. Nguyên nhân có thể do tư liệu về nghèo và giảm nghèo ở người Tà-ôi còn ít ỏi, nên chưa có nghiên cứu sâu về vấn đề này của người Tà-ôi nói chung và người Tà-ôi ở Thừa Thiên Huế nói riêng.

### 1. Khái quát về xã Đông Sơn và người Tà-ôi ở xã Đông Sơn

Đông Sơn là xã đặc biệt khó khăn thuộc huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế, cách trung tâm huyện 32 km về phía tây nam, phía đông giáp xã Hương Lâm, phía nam giáp xã A Đốt, phía bắc giáp xã Hương Phùng, phía tây giáp huyện Klum, tỉnh Sêkông, Lào. Tổng diện tích tự nhiên 2.670 ha, trong đó: đất nông nghiệp 1.867ha (ruộng nước 77ha, bình quân 490m<sup>2</sup>/người, đất rẫy trồng cây lương thực 15ha, đất trồng cây công nghiệp hàng hóa như keo, chuối, sắn là 1.775ha); đất lâm nghiệp 693ha; đất phi nông nghiệp 85,0ha; đất chưa sử dụng 20ha. Đông Sơn là nơi đặt kho chất độc hóa học của Mỹ trong chiến tranh, nên con người và đất đai chịu ảnh hưởng nặng nề của chất độc đi-ô-xin. Trước năm 2010, nông nghiệp ở Đông Sơn vẫn là trồng trọt lương thực tực trên rẫy khô và ruộng nước. Từ năm 2011 đến nay, người dân chuyển dần sang trồng chuối, sắn, nhất là cây keo. Hiện nay, ba loại cây trên là nguồn thu nhập chính của người dân trong xã. Trình độ sản xuất còn thấp, lao động thủ công, nên năng suất cây trồng thấp, đời sống còn khó khăn. Mức độ hưởng thụ các dịch vụ xã hội cơ bản còn thấp so với các xã khác trong huyện. Có ba đặc điểm nổi bật tác động và dẫn đến đời sống của người Tà-ôi ở đây là đất đai xấu, khó chuyển đổi vật nuôi, cây trồng; cơ sở vật chất hạ tầng, nhất là đường giao thông yếu kém; trình độ sản xuất còn hạn chế.

Là xã biên giới, mật độ dân số thấp nên Đông Sơn có quy mô dân cư nhỏ. Năm 2018, xã có 395 hộ, 1.571 người, thuộc hai dân tộc: Tà-ôi 375 hộ với 1.468 người (gồm 2 nhóm: Pa-cô 266 hộ, 1.043 người; Tà-ôi 109 hộ, 425 người) và Kinh 20 hộ với 103 người, cư trú trong ba thôn Cà Vá, Loa Tavan và Tru Chai (Xem bảng 1).

**Bảng 1: Dân số chia theo dân tộc ở ba thôn xã Đông Sơn (2018)**

STT	Làng	Hộ	Khẩu	Chia ra			
				Dân tộc Kinh		Dân tộc Tà ôi	
				Hộ	Khẩu	Hộ	Khẩu
1	Cà Vá	161	661	9	43	152	618
2	Loa Tavan	120	478	6	33	114	445
3	Tru Chai	114	432	5	27	109	405
TS	<b>03</b>	<b>395</b>	<b>1.571</b>	<b>20</b>	<b>103</b>	<b>375</b>	<b>1.468</b>

Nguồn: UBND xã Đông Sơn (2018)

Bảng 1 cho thấy, trong dân tộc tại chỗ Tà-ôi, hai nhóm Tà-ôi và Pa-cô chiếm tỷ lệ 93% dân số, trong đó: nhóm Pa-cô chiếm tỷ lệ 71% và nhóm Tà-ôi chiếm tỷ lệ 22%; dân tộc Kinh là thiểu số, chiếm 7%. Ở Đông Sơn, thực chất vấn đề nghèo và giảm nghèo chỉ tập trung ở dân tộc Tà-ôi. Trong kháng chiến chống Mỹ, Đông Sơn là xã căn cứ cách mạng nên có nhiều thương binh, liệt sỹ và người được hưởng chế độ phúc lợi xã hội. Toàn xã có 11 liệt sỹ chống Mỹ, 18 thương binh, 27 bệnh binh, 33 người có công với cách mạng, 84 người được hưởng trợ cấp xã hội do tàn tật, cô nhi, chất độc da cam, đều là người Tà-ôi.

Người Tà-ôi ở xã Đông Sơn có mối quan hệ chặt chẽ với đồng tộc ở bên kia biên giới Việt - Lào. Trong truyền thống, trồng trọt nương rẫy là sinh kế chủ đạo, kết hợp với làm vườn, chăn nuôi, nghề thủ công, trao đổi và khai thác nguồn lợi tự nhiên, đều nhằm tự cấp, tự túc. Xã hội Tà-ôi nơi đây còn bảo lưu nhiều dấu ấn của xã hội tiền giai cấp. Theo đó, làng là đơn vị xã hội cơ bản nhất. Hôn nhân và gia đình theo chế độ phụ hệ. Tính cộng đồng làng cao nên vẫn còn tồn tại tư tưởng phân phối bình quân. Các giá trị văn hóa đặc trưng, tiêu biểu gồm dân ca, dân nhạc, dân vũ, lễ hội và tín ngưỡng đa thần.

Người Kinh có mặt ở xã Đông Sơn từ sau năm 1986, đa phần có nguồn gốc từ đồng bằng tỉnh Quảng Nam, lúc đầu chỉ có vài hộ di dân tự do làm dịch vụ mua bán, về sau tăng lên do sự góp mặt của một số hộ là hộ hàng, thân nhân những người đến trước. Ngoài làm dịch vụ, người Kinh còn kết hợp làm nông nghiệp, có trình độ phát triển tự thân cao hơn người Tà-ôi, do kinh tế, xã hội, văn hóa đều dựa trên cơ sở sản xuất ruộng nước. Trải qua quá trình chung sống, người Kinh và người Tà-ôi đã đoàn kết xây dựng quê hương để từng bước phát triển kinh tế - xã hội như ngày nay.

## **2. Thực trạng nghèo và đặc điểm nghèo ở người Tà-ôi xã Đông Sơn**

### **2.1. Thực trạng nghèo, giảm nghèo**

Cũng như trong cả nước, công tác giảm nghèo ở người Tà-ôi xã Đông Sơn được triển khai từ thập niên cuối của thế kỷ XX. Do hạn chế về tài liệu, bài viết chỉ trình bày kết quả giảm nghèo tại địa phương thông qua diễn biến tỷ lệ hộ nghèo từ năm 2010 đến năm 2018.

Giai đoạn 2010 - 2015, áp dụng chuẩn nghèo thu nhập 400 nghìn đồng/người/tháng, tỷ lệ hộ nghèo xã Đông Sơn qua 5 năm lần lượt là 48,0% (2011), 40,4% (2012), 28,2 (2013), 24,5% (2014), 22,0% (2015), mỗi năm giảm từ 3,5% đến 5%, riêng năm 2013 giảm đột biến gần 12% (UBND huyện A Lưới, 2017). Trong ba thôn, thôn Loa Tavan nằm gần trung tâm xã nên có thành tựu giảm nghèo tốt hơn, tỷ lệ hộ nghèo năm 2013 giảm 15% so với năm 2012, tỷ lệ hộ nghèo năm 2015 giảm 7% so với năm 2014 (UBND xã Đông Sơn, 2016).

Trước năm 2015, chuẩn nghèo dựa vào tiêu chí thu nhập lương thực hoặc tiền theo đầu người/tháng, với 4 lần thay đổi<sup>2</sup>. Năm 2016 - 2018, công tác xác định hộ nghèo ở xã Đông Sơn được

<sup>2</sup> Năm 1993 - 2000 là 15kg gạo; năm 2001 - 2005 là 800.000 đồng; năm 2006 - 2010 là 200.000 đồng; năm 2011 - 2015 là 400. 000 đồng (tính cho khu vực nông thôn miền núi và hải đảo).

triển khai dựa theo chuẩn nghèo 2016 - 2020, gọi là chuẩn nghèo đa chiều<sup>3</sup>, hay chuẩn nghèo thu nhập kết hợp với mức độ thiếu hụt các chỉ số tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản, trong đó hộ nghèo khu vực nông thôn, không phân biệt đồng bằng hay miền núi, là hộ đáp ứng một trong hai tiêu chí sau: (1) Có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 700 nghìn đồng trở xuống; (2) Có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 700 nghìn đồng đến 1 triệu đồng và thiếu hụt từ 3 chỉ số trong 10 chỉ số tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên<sup>4</sup>. Áp dụng chuẩn nghèo mới, năm 2016, tỷ lệ hộ nghèo của xã là 47,4%, cao gấp hai lần so với tỷ lệ hộ nghèo năm 2015 (22%) (UBND huyện A Lưới 2018). Nguyên nhân tăng đột ngột là do tiêu chí và chuẩn nghèo tăng lên và từ đơn chiều sang đa chiều<sup>5</sup>. Năm 2017, tỷ lệ hộ nghèo trong xã là 43,5%, giảm 3% so với năm 2016. Năm 2018, tỷ lệ hộ nghèo trong xã là 38,0%, giảm 5,5% so với năm 2017 (UBND huyện A Lưới 2018).

Tốc độ giảm hộ nghèo ở người Tà-ôi nhanh hơn so với người Kinh. Trong 5 năm 2011 - 2015, tốc độ giảm tỷ lệ hộ nghèo của người Tà-ôi qua từng năm ở xã Đông Sơn là 3,6% (2012), 11,8% (2013), 3,7% (2014) và 2,5% (2015). Trong khi đó, người Kinh ở thị trấn Khe Sanh là 1,2% (2012), 1,3% (2013), 0,6% (2014) và 0,5%/năm (2015) (Xem bảng 2).

**Bảng 2: Tỷ lệ hộ nghèo và tốc độ giảm nghèo ở xã Đông Sơn và thị trấn Khe Sanh giai đoạn 2011 - 2015**

STT	Xã/ thị trấn	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Tỷ lệ hộ nghèo %	Giảm so với năm trước (%)	Tỷ lệ hộ nghèo %	Giảm so với năm trước (%)	Tỷ lệ hộ nghèo %	Giảm so với năm trước (%)	Tỷ lệ hộ nghèo %	Giảm so với năm trước (%)	Tỷ lệ hộ nghèo %	Giảm so với năm trước (%)
1	Đông Sơn	48,0	?	40,4	3,6	28,2	11,8	24,5	3,7	22,0	2,5
2	Khe Sanh	8,00	?	6,8	1,2	5,5	1,3	4,9	0,6	4,4	0,5

*Nguồn:* Tính toán từ Báo cáo kết quả thực hiện công tác giảm nghèo huyện A Lưới giai đoạn 2011 - 2015 của UBND huyện A Lưới (2016).

<sup>3</sup>. Quyết định số 1614/QĐ-TTg, ngày 15/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể Chuyển đổi tiếp cận đo lường nghèo từ đơn chiều sang đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020, trong đó, chuẩn nghèo gồm hai tiêu chí là nghèo thu nhập và nghèo thu nhập kết hợp với thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

<sup>4</sup>. 10 chỉ số tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản là: (1) Trình độ giáo dục của người lớn (hộ gia đình có ít nhất 1 thành viên đủ 15 tuổi sinh từ năm 1986 trở lại không tốt nghiệp trung học cơ sở và hiện không đi học); (2) Tình trạng đi học của trẻ em (hộ gia đình có ít nhất 1 trẻ em trong độ tuổi 5 - 14 tuổi hiện không đi học); (3) Tiếp cận các dịch vụ y tế (hộ gia đình có người bị ốm đau nhưng không đi khám chữa bệnh); (4) Bảo hiểm y tế (hộ gia đình có 1 thành viên từ 6 tuổi trở lên hiện tại không có bảo hiểm y tế); (5) Chất lượng nhà ở (hộ gia đình đang ở trong nhà thiếu kiên cố hoặc nhà đơn sơ); (6) Diện tích nhà ở bình quân đầu người (diện tích nhà ở bình quân đầu người của hộ gia đình nhỏ hơn 8m<sup>2</sup>); (7) Nguồn nước sinh hoạt (hộ gia đình không được tiếp cận nguồn nước hợp vệ sinh); (8) Hồ xí/nhà vệ sinh (hộ gia đình không sử dụng hồ xí/nhà tiêu hợp vệ sinh); (9) Sử dụng dịch vụ viễn thông (hộ gia đình không có thành viên nào sử dụng thuê bao điện thoại và internet); (10) Tài sản phục vụ tiếp cận thông tin (hộ gia đình không có tài sản nào trong số các tài sản: Tivi, đài, máy vi tính, và không nghe được hệ thống loa đài truyền thanh xã/thôn).

<sup>5</sup>. Một mặt chuẩn nghèo thu nhập tăng từ 400 nghìn đồng/người tháng lên 700 nghìn đồng/người/tháng, mặt khác, ngoài chuẩn nghèo theo thu nhập còn chuẩn nghèo kết hợp thu nhập với mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản.

Xử lý số liệu trong bảng 2 cho kết quả là, tỷ lệ giảm hộ nghèo bình quân/năm ở xã Đông Sơn là 4,3%; ở thị trấn Khe Sanh là 0,9%. Do đó, tốc độ giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân ở người Tà-ôi xã Đông Sơn cao gấp gần 5 lần so với tốc độ giảm tỷ lệ hộ nghèo ở người Kinh thị trấn Khe Sanh. Lý do là tỷ lệ hộ nghèo của người Tà-ôi cao hơn nhiều lần so với người Kinh.

Những số liệu và phân tích trên cho thấy, dù trải qua hai giai đoạn với hai tiêu chí và chuẩn nghèo khác nhau, nhưng trong gần một thập niên qua (2010 - 2018), tỷ lệ hộ nghèo ở người Tà-ôi nói riêng và ở xã Đông Sơn nói chung đều giảm qua hàng năm, với mức giảm bình quân 4%/năm, phản ánh nỗ lực của cán bộ, người dân địa phương, cũng như kết quả thực các chính sách giảm nghèo trong xã những năm gần đây.

**2.2. Một số đặc điểm nghèo**

Với việc áp dụng chuẩn nghèo đa chiều mới, thực trạng nghèo thể hiện không chỉ qua tỷ lệ hộ nghèo thu nhập, mà còn qua mức độ đáp ứng 10 chỉ số tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Mục này phân tích một số đặc điểm nghèo theo tộc người và theo các khía cạnh nghèo thu nhập, nghèo thiếu hụt các chỉ số tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản trong so sánh với người Kinh ở xã Đông Sơn và ở các địa phương miền núi tây duyên hải miền Trung năm 2017.

Theo kết quả rà soát hộ nghèo dựa trên chuẩn nghèo đa chiều 2016 - 2020, năm 2017, xã Đông Sơn có tổng số 395 hộ, trong đó có 172 hộ nghèo (170 hộ Tà-ôi, 2 hộ Kinh), 156 hộ nghèo thu nhập (54 hộ Tà-ôi, 2 hộ Kinh) và 16 hộ nghèo thiếu hụt 3 chỉ số tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản trở lên - đều là hộ người Tà-ôi (Xem bảng 3).

**Bảng 3: Thực trạng nghèo theo dân tộc và chuẩn nghèo đa chiều xã Đông Sơn (2017)**

STT	Làng	Hộ	Hộ DTTS	Hộ nghèo	Trong đó					
					Dân tộc Kinh		Dân tộc Tà ôi		Hộ nghèo thu nhập (Hộ)	Hộ nghèo thiếu hụt DVXHCB (Hộ)
					Hộ	Tỷ lệ ở hộ dân tộc Kinh (%)	Hộ	Tỷ lệ ở hộ dân tộc Tà ôi (%)		
1	Cà Vá	161	152	73	1	9,5	72	47,0	65	8
2	Loa Tavan	120	114	51	1	10,5	50	44,0	46	5
3	Tru Chai	114	109	48	0	0	48	44,0	45	3
<b>TS</b>	<b>03</b>	<b>395</b>	<b>375</b>	<b>172</b>	<b>2</b>	<b>10,0</b>	<b>170</b>	<b>45,3</b>	<b>156</b>	<b>16</b>

Nguồn: UBND xã Đông Sơn (2018)

Xử lý và phân tích các số liệu trong bảng 3 cho thấy, một số đặc điểm nghèo ở dân tộc Tà-ôi trong xã trên ba chiều cạnh: tỷ lệ hộ nghèo nói chung, mức độ nghèo chia theo nghèo thu nhập, nghèo đa chiều và nghèo đa chiều do thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Về tỷ lệ hộ nghèo: Số lượng 172 hộ nghèo/395 hộ tương ứng với tỷ lệ hộ nghèo toàn xã 43,5%, cao gấp hơn 6 lần tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh (5,9%)<sup>6</sup>, cao gấp gần 1,5 lần so với tỷ lệ hộ nghèo chung toàn huyện A Lưới (25,2%), cao gấp hơn 6 lần so với tỷ lệ hộ nghèo của thị trấn Khe Sanh (6,8%) nơi dân cư chủ yếu là người Kinh, cũng cao gấp 1,3 lần so với tỷ lệ hộ nghèo chung của 20 xã nông thôn còn lại trong huyện A Lưới (34,0%). Số lượng 170 hộ nghèo/375 hộ người Tà-ôi tương ứng với tỷ lệ hộ nghèo dân tộc Tà-ôi trong xã 45,3%, là tỷ lệ hộ nghèo cao gấp 4 lần tỷ lệ hộ nghèo của 20 hộ người Kinh trong xã (10%), cao gấp gần 7 lần so với tỷ lệ hộ nghèo của người Kinh ở thị trấn Khe Sanh (6,3%), cao gấp 1,5 lần tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số (DTTS) tỉnh Thừa Thiên Huế cùng năm (29%) (Ban Dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế, 2018)<sup>7</sup>. Số lượng 170 hộ nghèo người Tà-ôi /172 hộ nghèo toàn xã cũng tương ứng với tỷ lệ 99% hộ nghèo trong xã, trong khi tỷ lệ hộ dân tộc Tà-ôi chiếm 94% tổng số hộ trên địa bàn. Tỷ lệ hộ nghèo 43,5% phản ánh mức độ nghèo của người Tà-ôi xã Đông Sơn trong bức tranh nghèo chung của người Tà-ôi huyện A Lưới. Theo số liệu thống kê, năm 2017, Đông Sơn là một trong 4 xã có tỷ lệ hộ nghèo trên 40% (Đông Sơn 43,5%, Hồng Thái 47%, Hồng Trung 49% và Hồng Vân 43%) (UNND huyện A Lưới, 2018). Đáng lưu ý là 4 xã trên đều nằm ở biên giới Việt - Lào. Nhìn rộng hơn, 10 xã nằm ở biên giới Việt - Lào trong huyện cũng là 10 xã có tỷ lệ hộ nghèo cao trong 21 xã/thị trấn của huyện (Xem bảng 4).

**Bảng 4: Số hộ nghèo và tỷ lệ hộ nghèo tại 21 xã/thị trấn huyện A Lưới năm 2017**

TT	Đơn vị	2018		DTTS 2018		Hộ nghèo và tỷ lệ hộ nghèo năm 2017	
		Tổng số hộ	Tổng số khẩu	Tổng số hộ	Tổng số khẩu	Số hộ	Tỷ lệ
1	Thị trấn A Lưới	2212	8.080	829	2.567	130	6,03
2	Hương Nguyên	343	1.369	323	1.305	111	33,33
3	Hồng Hạ	454	1.857	420	1.675	103	23,25
4	A Roàng	672	2.811	664	2.779	198	30,28
5	A Đót	643	2.484	628	2.458	222	34,96
6	Hương Lâm	568	2.232	492	1.923	104	18,57
7	Đông Sơn	382	1.494	369	1.465	171	45,36
8	Hương Phong	198	565	18	44	2	1,03
9	Phú Vinh	364	1.164	140	490	14	3,85
10	Sơn Thủy	808	3.097	0	12	27	3,42
11	A Ngo	887	3.542	786	3.206	125	14,33
12	Hồng Thượng	757	2.788	648	2.332	140	18,87
13	Hồng Thái	322	1.182	316	1.156	148	47,13
14	Nhâm	570	2.348	567	2.334	209	38,07
15	Hồng Quảng	629	2.263	618	2.224	232	37,72
16	Hồng Bắc	562	2.272	553	2.241	151	27,91

<sup>6</sup> Theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại Thừa Thiên Huế, đến cuối năm 2017, toàn tỉnh có 17.662 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 5,98%.

<sup>7</sup> Theo báo cáo của Ban Dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế, năm 2017, toàn tỉnh có 13.559 hộ dân tộc thiểu số, trong đó hộ nghèo là 3.893 hộ, tương ứng tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số 29%.

17	Hồng Kim	539	2.041	523	1.973	212	39,70
18	Bắc Sơn	309	1.262	307	1.245	114	37,25
19	Hồng Trung	577	2.117	565	2.081	277	49,29
20	Hồng Vân	839	3.189	772	3.115	342	43,07
21	Hồng Thủy	813	3.241	807	3.223	246	31,38
<b>Cộng</b>		<b>13.448</b>	<b>51.398</b>	<b>10.345</b>	<b>39.848</b>	<b>3.278</b>	<b>24,99</b>

Nguồn: UBND huyện A Lưới (2018)

- Về mức độ nghèo chia theo nghèo thu nhập và nghèo đa chiều: Qua khảo sát 172 hộ nghèo toàn xã, có 156 hộ nghèo do thu nhập thấp (từ 700 nghìn đồng trở xuống/người/tháng), trong đó: dân tộc Tà-ôi 154 hộ, chiếm 98,7%; dân tộc Kinh 02 hộ, chiếm 1,3% (trong khi tỷ lệ dân tộc Kinh ở xã là 10%). Có 16 hộ nghèo đa chiều, toàn bộ là người Tà-ôi. Trong 154 hộ nghèo thu nhập người Tà-ôi, có 143 hộ vừa nghèo thu nhập vừa nghèo thiếu hụt ít nhất 2 chỉ số tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, chiếm 90% tổng số hộ nghèo thu nhập, cho thấy tuy cùng điều kiện tự nhiên như nhau nhưng ở người Kinh chỉ có hộ nghèo thu nhập mà không có hộ nghèo đa chiều, còn ở người Tà-ôi tồn tại cả nghèo thu nhập và nghèo đa chiều, phản ánh tình trạng tạm gọi là “nghèo kép” đang diễn ra ở đa số các hộ nghèo người Tà-ôi trong xã.

- Về nghèo đa chiều do thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản: Theo bảng 2, toàn xã có 16 hộ nghèo đa chiều, đều là người Tà-ôi, trong đó: làng Cà Vá có 8 hộ, làng Loa Tavan có 5 hộ và làng Tru Chai có 3 hộ. Khảo sát thực trạng thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của 16 hộ nghèo đa chiều người Tà-ôi ở đây cho kết quả: trong 10 chỉ số tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, 5 chỉ số thiếu hụt nhiều nhất là nước sinh hoạt (16/16, 100%), hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh (16/16, 100%), giáo dục của người lớn (14/16, 87,5%), chất lượng nhà ở (15/16, 94%) và diện tích nhà ở (12/16, 75%). Đây đang là những vấn đề nổi cộm cần cải thiện ở người Tà-ôi xã Đông Sơn, đồng nghĩa 5 chỉ số tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản còn lại, gồm tình trạng đi học của trẻ em, dịch vụ y tế, bảo hiểm y tế, sử dụng dịch vụ viễn thông và tài sản phục vụ tiếp cận thông tin tại địa bàn nghiên cứu đã được cải thiện và tương đối tốt.

Thực trạng nghèo đa chiều nói trên phù hợp và phản ánh mức độ nghèo cũng như mức độ thiếu hụt 10 chỉ số tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo huyện A Lưới. Năm 2017, trong 21 xã, thị trấn của huyện, có 17 xã nghèo, với 6 xã có tỷ lệ hộ nghèo trên 40%. Những chỉ số tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo có tỷ lệ thiếu hụt cao bao gồm: Chất lượng nhà ở (55%), diện tích nhà ở (61%), nguồn nước sinh hoạt (64%), hố xí, nhà tiêu hợp vệ sinh (80,5%) (UBND huyện A Lưới, 2018).

### 3. Một số vấn đề đặt ra

#### 3.1. Nguyên nhân nghèo

Xử lý số liệu điều tra từ 50 hộ nghèo (30 hộ ở làng Cà Vá, 20 hộ ở làng Loa Tavan), kết hợp phân tích tư liệu phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm tại hai làng cho thấy, dẫn đến nghèo và tỷ lệ hộ nghèo cao ở người Tà-ôi tại điểm nghiên cứu có hai nhóm nguyên nhân chính:

- *Nhóm nguyên nhân chung, gồm 7 nguyên nhân:* (1) Thiếu vốn sản xuất (39 hộ, 78%); (2) Thiếu đất sản xuất (17 hộ, 34%); (3) Thiếu công cụ sản xuất mới (32 hộ, 64%); (4) Thiếu lao động (9 hộ, 18 %); (5) Thiếu việc làm (10 hộ, 20%); (6) Thiếu kiến thức sản xuất mới (22 hộ, 44%); (7) Đông con (9 hộ, 18%).

- *Nhóm nguyên nhân đặc thù, gồm 4 nguyên nhân:* (1) Đất đai xấu và bạc màu, khó chuyển đổi vật nuôi, cây trồng; (2) Địa hình dốc, hiểm trở, giao thông đi lại khó khăn; (3) Trình độ sản xuất thấp, chủ yếu lao động thủ công; (4) Lực cản của văn hóa và phong tục tập quán truyền thống, bao gồm thói quen làm nương rẫy, chi tiêu lãng phí, thiếu kế hoạch, tâm lý bình quân nguyên thủy trong hưởng thụ, phân phối và tâm lý trông chờ, ỷ lại vào rừng.

### ***3.2. Một số tác động của nghèo đói đến ổn định và phát triển bền vững kinh tế - xã hội***

Nghèo đói và thiếu đất sản xuất dẫn đến tình trạng người Tà-ôi trong xã vượt biên sang Lào xâm canh đất sản xuất dưới hình thức thuê mướn đất rừng của thân nhân, đồng tộc. Đơn cử tại làng Cà Vá, số hộ sang Lào xâm canh đất sản xuất tăng dần trong những năm gần đây, từ 6 hộ năm 2015 lên 8 hộ năm 2016, 13 hộ năm 2017 và 18 hộ năm 2018. Việc xâm canh tiềm ẩn những hậu quả không mong muốn về quan hệ ngoại giao và an ninh chính trị, an ninh quốc phòng giữa hai bên biên giới và giữa hai quốc gia.

Nghèo phổ biến và tỷ lệ hộ nghèo đói cao ở người Tà-ôi tác động không tốt đến quan hệ dân tộc giữa người Tà-ôi với người Kinh và với quốc gia dân tộc. Trong khi người Kinh đang ở ngưỡng cửa của mức sống ăn ngon mặc đẹp thì người Tà-ôi vẫn luẩn quẩn trong mức sống nghèo đói. Do là vùng kháng chiến nên đã và đang tiềm ẩn trong một bộ phận người dân tâm lý suy giảm lòng tin với chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước.

Đói nghèo và đời sống khó khăn tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái, trực tiếp là đến tài nguyên rừng. Theo báo cáo của UBND xã, tình trạng rừng cạn kiệt tại xã biên giới Đông Sơn hiện nay có nhiều nguyên nhân, song nguyên nhân quan trọng là do người dân khai thác trái phép để lấy đất sản xuất trong nhiều thập niên qua.

Đông Sơn là xã biên giới, đói nghèo phổ biến với tỷ lệ hộ nghèo cao ở người Tà-ôi trong xã và ở 10 xã biên giới huyện A Lưới phản ánh tình trạng chậm phát triển của các xã biên giới ở khu vực miền núi tây duyên hải miền Trung. Giảm nghèo đang là yêu cầu cấp thiết ở địa bàn này đặt trong bối cảnh cần củng cố phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới trong cả nước hiện nay.

### ***3.3. Một số đề xuất như là gợi ý cho giải pháp giảm nghèo bền vững***

Mục tiêu lâu dài của giảm nghèo ở người Tà-ôi là nhanh chóng giảm tỷ lệ hộ nghèo và giảm chênh lệch tỷ lệ nghèo giữa người Tà-ôi với người Kinh. Để giảm nghèo hiệu quả và bền vững cho người Tà-ôi ở xã Đông Sơn cũng như ở các địa bàn có cùng điều kiện, cần thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ, trong đó chú ý một số giải pháp có tính đặc thù tại địa phương.

- *Thứ nhất*, xác định và định hướng cho người dân hệ cây trồng, vật nuôi phù hợp và hiệu quả với đặc điểm tự nhiên và con người tại chỗ, khắc phục tình trạng sản xuất cảm tính và trông chờ vào cây keo, cây chuối, cây sắn với đầu ra không cao mà còn rủi ro, bấp bênh như hiện nay.

- *Thứ hai*, đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng, nhất là phát triển giao thông trong thôn, liên thôn và liên xã theo Chương trình Xây dựng nông thôn mới 2016 - 2020.

- *Thứ ba*, có chính sách đột phá để phát triển nguồn lao động dân tộc chất lượng cao, đặc biệt chú ý đào tạo nghề và mở rộng ngành nghề, ưu tiên ngành nghề phi nông nghiệp.

- *Thứ tư*, đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục để từng bước xóa bỏ các lực cản giảm nghèo về tâm lý bình quân, tình trạng chi tiêu lãng phí, thiếu kế hoạch trong chi tiêu tang ma, cưới xin, lễ hội, phát triển kinh tế thị trường để xây dựng tư duy gắn với cơ chế thị trường cho người dân.

### **Kết luận**

Đông Sơn là xã biên giới giáp Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào, nơi người Tà-ôi chiếm số đông. Dù kết quả giảm nghèo là ấn tượng, nhưng gần 10 năm qua, Đông Sơn vẫn là xã có tỷ lệ hộ nghèo cao so với tỷ lệ hộ nghèo của người Kinh và người Tà-ôi các xã trong huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đặc điểm nghèo đa chiều ở người Tà-ôi là không chỉ nghèo về thu nhập mà còn nghèo về tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, trong đó, tồn tại tình trạng nghèo kép, tức nghèo thu nhập đồng thời với nghèo đa chiều. Các chỉ số dịch vụ xã hội cơ bản phản ánh nghèo đa chiều đang thiếu hụt trầm trọng là nguồn nước sinh hoạt, hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh, trình độ giáo dục của người lớn, chất lượng nhà ở và diện tích nhà ở.

Ngoài các nguyên nhân dẫn đến nghèo chung, có những nguyên nhân nghèo đặc thù về điều kiện tự nhiên và con người. Giảm nghèo ở người Tà-ôi xã Đông Sơn đã và đang là yêu cầu cấp thiết do những tác động nhiều mặt và không mong muốn của nghèo. Vì vậy, cần thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ, trong đó chú ý một số giải pháp có tính đặc thù như chuyển đổi vật nuôi cây trồng, phát triển giao thông nông thôn, phát triển nguồn lao động chất lượng cao và tuyên truyền vận động để hạn chế các lực cản giảm nghèo về văn hóa, phong tục.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Ban Dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế (2018), *Báo cáo chuyên đề Thực hiện chính sách dân tộc ở tỉnh Thừa Thiên Huế và một số vấn đề đặt ra hiện nay*.
2. Ban Dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế (2018), *Báo cáo kết quả giám sát đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo tại vùng dân tộc thiểu số tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2018*.
3. Nguyễn Trường Giang (2016), *Giữ cũ, thêm mới, làm tài sản cho con cháu, Chuyên khảo Dân tộc học - Nhân học về người Tà ôi ở huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
4. Nguyễn Xuân Hồng (1998), *Hôn nhân, gia đình, ma chay của người Tà ôi, Cơ tu, Bru-Vân Kiều ở Quảng Trị - Thừa Thiên Huế*, Nxb. Văn hóa Thông tin Quảng Trị.
5. Lê Thị Hường (2019), “Biến đổi hôn nhân của người Pa cô ở huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế và một số vấn đề đặt ra”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 3, tr. 61-70.
6. Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ *Về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020*.
7. Hoàng Sơn (Chủ biên, 2007), *Người Tà ôi ở Thừa Thiên Huế*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

8. Nguyễn Hữu Thấu (1976), “Vài nét về quan hệ hôn nhân gia đình của người Pa cô, Pa hi, Ka tu”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 80-87.

9. UBND huyện A Lưới (2016), *Báo cáo kết quả thực hiện công tác giảm nghèo huyện A Lưới giai đoạn 2011 - 2015*.

10. UBND huyện A Lưới (2018), *Báo cáo kết quả thực hiện công tác giảm nghèo huyện A Lưới năm 2016 - 2018*.

11. UBND xã Đông Sơn (2016), *Báo cáo tổng kết 5 năm công tác giảm nghèo xã Đông Sơn 2011- 2015*.

12. UBND xã Đông Sơn (2018), *Báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo xã Đông Sơn theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020*.

13. UBND xã Đông Sơn (2018), *Báo cáo Tình hình kinh tế - xã hội năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2019*.

14. UBND xã Đông Sơn (2018), *Báo cáo dân số chia theo dân tộc xã Đông Sơn năm 2018*.

15. Viện Dân tộc học (1984), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Nam)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

16. Vũ Đình Mười (2017), “Dân tộc Tà-ôi”, trong: Vương Xuân Tình chủ biên, *Các dân tộc ở Việt Nam, tập 3, nhóm ngôn ngữ Môn-Khơ me*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.



Nhà ở của người Pa-cô ở làng Cà Vá, xã Đông Sơn, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

Ảnh: Bùi Văn Đạo, chụp tháng 1/2019